

Bản án số: 28/2018/HS-ST
Ngày 20- 7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Lê Văn Hùng;

+ Ông Lê Thanh Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Dương Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Xuân D; sinh ngày 22/6/1989; nơi sinh: huyện Q, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Xóm A, xã H, huyện Q, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân L và bà Nguyễn Thị H; vợ con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/12/2017, đến ngày 28/12/2017 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình theo Quyết định tạm giam số 18/2018/HSST-QĐTG ngày 09/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp.(có mặt)

- Bị hại:

+ Anh Phạm Quang T, sinh năm: 1991. Nơi cư trú: Xóm 4, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Quang S, sinh năm: 1991. Nơi cư trú: Phố 3, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt)

+ Anh Phạm Văn T, sinh năm: 1992. Nơi cư trú: Đội 11, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định. (vắng mặt)

+ Anh Nguyễn V, sinh năm: 1991. Nơi cư trú: Đội 6, thôn K, xã N, huyện

H, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt)

+ Anh Vũ Văn L, sinh năm: 1992. Nơi cư trú: thôn K, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt)

+ Anh Tống Văn C, sinh năm: 1992. Nơi cư trú: Thôn L, xã G, huyện H, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt)

+ Anh Bùi Trọng Đ, sinh năm: 1991. Nơi cư trú: Số nhà A, phố B, phường N, thành phố B, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt)

+ Anh Lê Xuân M, sinh năm: 1990. Nơi cư trú: Xóm T, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt)

+ Anh Cù Thái Hoài V, sinh năm: 1987. Nơi cư trú: Khối A, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An. (vắng mặt)

+ Anh Bùi Thanh T, sinh năm: 1989. Nơi cư trú: Đội A, xóm Đ, xã V, huyện K, tỉnh Hòa Bình. (vắng mặt)

+ Anh Ngô Văn V, sinh năm: 1991. Nơi cư trú: Thôn N, thị trấn Y, huyện B, tỉnh Hà Giang. (vắng mặt)

+ Anh Ngô Văn T, sinh năm: 1990. Nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện B, tỉnh Hà Giang. (vắng mặt)

+ Anh Phạm Như B, sinh năm: 1992. Nơi cư trú: Số nhà A, đường B, khu C, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. (vắng mặt)

+ Anh Trịnh Xuân T, sinh năm: 1991. Nơi cư trú: Thôn A, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. (vắng mặt)

+ Anh Mai Văn N, sinh năm: 1992. Nơi cư trú: Thôn A, xã Q, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa. (vắng mặt)

+ Anh Vi Văn T, sinh năm: 1992. Nơi cư trú: Bản K, xã H, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. (vắng mặt)

+ Anh Đặng Tiến D, sinh năm: 1992. Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt)

+ Anh Mai Đức N, sinh năm: 1992. Nơi cư trú: Xóm C, xã Y, huyện M, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1991. Nơi cư trú: Xóm A, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An. (vắng mặt)

+ Anh Lê Ngọc C, sinh năm: 1981. Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ NLQ1. (vắng mặt)

+ NLQ2. (vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

- + NLC1. (vắng mặt)
- + NLC2. (vắng mặt)
- + NLC3. (vắng mặt)
- + NLC4. (vắng mặt)
- + NLC5. (vắng mặt)
- + NLC6. (vắng mặt)
- + NLC7. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 19/9/2010 Lê Xuân D cùng NLC5, NLC6, NLC7 ngồi uống rượu tại quán H cạnh đường Quyết Thắng, thuộc Tổ 4, phường Trung Sơn, thị xã (nay là thành phố) Tam Điệp được khoảng 10 phút thì D gọi NLC6 ra khỏi quán và rủ NLC6 vào ký túc xá cơ sở 2 của NLQ2 để trấn tiền, tài sản của sinh viên trong ký túc xá thì NLC6 đồng ý. D nhờ NLC6 tìm hộ dao cho D để dùng đe dọa sinh viên trong ký túc xá thì NLC6 đã đi lấy hai con dao phớ bọc vào giấy báo đưa cho D.

Khoảng 01 giờ 20 phút ngày 20/9/2010, D rủ NLC5 và NLC7 đi vào ký túc xá cơ sở 2 của NLQ2 tại Tổ B, phường T, thành phố Đ, tỉnh Ninh Bình để trấn tiền, tài sản của sinh viên thì cả hai đồng ý. Trước khi đi D cầm sẵn 01 con dao mà NLC6 đã đưa. D đưa cho NLC5 01 con dao phớ, NLC5 cầm dao bọc vào bì giấy màu đen, cả ba đã trèo qua tường bao và đi đến ký túc xá B2. NLC5 bảo NLC7 đứng dưới cảnh giới, D và NLC5 đi lên phòng 204, tầng 2; cả hai giật cửa phòng ra, lúc đó trong phòng có các anh: Lê Xuân M, Tống Văn C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T và Bùi Trọng Đ đang ngủ trong phòng. D và NLC5 đi vào phòng rồi cùng rút dao ra cầm ở tay đe dọa số sinh viên trong phòng. D nói “Có tiền, điện thoại đưa hết đây không tao chém”. D và NLC5 dùng dao đe dọa, gây thương tích cho anh Lê Xuân M, anh Nguyễn Văn T và anh Tống Văn C, sau đó chiếm đoạt của anh Lê Xuân M 01 chiếc điện thoại di động Nokia 1209 và 50.000 đồng, của anh Tống Văn C 70.000 đồng, của anh Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động Nokia 5233 và 100.000 đồng, của anh Bùi Trọng Đ hai chiếc điện thoại (một chiếc Mobell và một chiếc Nokia 1202). Sau đó D, NLC5 đi sang phòng 207 của ký túc xá B2, lúc đó trong phòng có các anh Nguyễn V, Phạm Quang T, Vũ Văn L, Nguyễn Quang S, Phạm Như T đang ngủ. D cầm dao đập vỡ một ô tấm kính cửa phòng làm cho mọi người trong phòng tỉnh dậy. Anh Nguyễn V bật điện phòng đi ra mở cửa phòng theo yêu cầu của D. D và NLC5 đi vào phòng. D nói “Tất cả chúng mày dậy, đứng xếp hàng vào đây, có tiền, điện thoại đưa hết đây”. D và NLC5 dùng dao đe dọa, gây thương tích nhẹ đối với anh Phạm Quang T, anh Nguyễn V và anh Phạm Như T, sau đó chiếm đoạt của anh Nguyễn V 01 điện thoại di động Nokia 1202 và 50.000 đồng, của anh

Vũ Văn L 01 điện thoại di động Nokia 1200, của anh Nguyễn Quang S 01 điện thoại di động Nokia 6303i và 600.000 đồng, của anh Phạm Quang T 01 chiếc điện thoại di động Q Mobile M2; của anh Phạm Như T 02 chiếc điện thoại di động (gồm 01 chiếc Nokia 1200 và 01 chiếc Sony Ericsson).

Sau khi chiếm đoạt được số tài sản trên, D, NLC5 và NLC7 đi ra đầu đường Quyết Thắng, giáp với đường Quốc lộ 1A. NLC5 gọi điện thoại cho NLC6 để D nói chuyện với NLC6, D bảo NLC6 đến đón. NLC6 đã mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35F6- 8637 của NLQ1 đi đến gặp D, NLC5, NLC7. Khi gặp nhau thì D và NLC5 nói với NLC6 là vừa lấy được tiền và điện thoại của sinh viên ở ký túc xá cơ sở 2. D nói với cả bọn tiếp tục đi đến cơ sở 3 trấn tiền thì cả ba đồng ý. Sau đó NLC6 dùng xe mô tô chở D, NLC5, NLC7 đến Ký túc xá cơ sở 3 của NLQ2. Khi đến nơi khoảng 3 giờ sáng cùng ngày, D, NLC5, NLC7 trèo qua tường bảo vệ vào bên trong và đi đến ký túc xá H2. NLC7 đứng canh giới, còn D và NLC5 đi đến phòng số 3, tầng 1 của ký túc xá, lúc đó trong phòng có các anh: Vi Văn T, Đặng Tiến D, Mai Đức N, Mai Văn N đang ngủ. D và NLC5 bắt mọi người trong phòng mở cửa. Khi vào phòng, D và NLC5 dùng súng dao dĩa vào đầu, vào vai phải và vào tay, làm bị thương anh Vi Văn T, anh Đặng Tiến D rồi lấy của anh Đặng Tiến D 01 chiếc điện thoại Nokia 1202 và 180.000 đồng, của anh Mai Văn N 108.000 đồng, của anh Vi Văn T 01 chiếc điện thoại Cayon và 300.000 đồng, của anh Mai Đức N 01 điện thoại di động Samsung SGH- X510 và 1.000.000 đồng. Sau đó D và NLC5 đi sang phòng số 5 của ký túc xá H2, dùng dao dĩa vào cổ và chém vào tay trái gây thương tích cho anh Phạm Như B và chiếm đoạt của anh Phạm Như B 01 chiếc điện thoại di động Nokia 1202 và 100.000 đồng, chiếm đoạt của anh Trịnh Xuân T 01 chiếc điện thoại Samsung E1080 và 01 ví giả da bên trong có chứng minh nhân dân của anh Trịnh Xuân T. Sau đó cả hai tiếp tục đi đến phòng số 8, ký túc xá H2, dùng dao đe dọa gây thương tích, chiếm đoạt của anh Bùi Thanh T 01 chiếc điện thoại di động Nokia 6270, anh Cù Thái Hoài V 01 chiếc điện thoại Nokia 3100C, của anh Ngô Văn T 01 chiếc điện thoại Nokia 7310 và 110.000 đồng, của anh Ngô Văn V 01 chiếc điện thoại Nokia 6288, của anh Lê Ngọc C 01 chiếc điện thoại Nokia 1209. Lấy tiền và điện thoại xong, D và NLC5 quay ra gặp NLC7 thì số sinh viên trong phòng 8 đã hô hoán và đuổi theo. NLC5, NLC7 cùng bỏ chạy một hướng, còn D chạy theo hướng khác ra ngoài cơ sở 3. Trên đường bỏ chạy D có làm rơi 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Cayon vừa chiếm đoạt được của anh Vi Văn T. Sau khi chạy thoát ra ngoài cổng trường NLC5 gọi điện thoại cho NLC6 đến đón. NLC6 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35 F6 - 8637 đến cổng cơ sở 3, chở NLC5 và NLC7 về quán Internet TĐ trên đường Q thuộc phường T, thành phố Đ, trên đường đi NLC6 bảo NLC5 vút dao đi, còn D đi bộ về quán. D và NLC5 đưa 15 chiếc điện thoại di động và 01 con dao cho NLC6 đi cất giấu. Sau đó D, NLC5, NLC7 bỏ trốn lên Hà Nội. NLC5 đưa cho NLC7 chiếc điện thoại Samsung E1080 và NLC7 đã bán chiếc điện thoại này cho một cửa hàng điện thoại di động tại thành phố Hà Nội (NLC7 không xác định được địa chỉ cụ thể) được 150.000 đồng và tiêu sài hết. NLC5 cầm điện thoại Nokia 7310, sau đó bị hỏng, NLC5 đã vứt đi. Còn lại 02 chiếc

điện thoại di động (gồm 01 chiếc nhãn hiệu Mobell và 01 chiếc nhãn hiệu Q MobileM2) do D cầm và đã bán cho hai cửa hàng ở thành phố Hà Nội được số tiền 700.000 đồng và tiêu sài hết. Do D không còn nhớ chính xác địa điểm mà D đã bán điện thoại nên quá trình điều tra không thu hồi được hai chiếc điện thoại mà D đã bán. Đối với 01 chiếc ví giả da và 01 chứng minh thư nhân dân mà D đã lấy của anh Trịnh Xuân T, trong quá trình bỏ trốn, D đã vứt chiếc ví da và giấy chứng minh thư của anh Trịnh Xuân T đi nhưng không nhớ được đã vứt ở địa điểm nào nên quá trình điều tra không thu hồi được. Đối với số tiền đã chiếm đoạt được là 2.668.000 đồng, các đối tượng cùng nhau tiêu sài hết.

Tại biên bản định giá tài sản số 13 ngày 23/9/2010 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Tam Điệp kết luận: Tổng số 20 chiếc điện thoại di động mà D, NLC5, NLC6, NLC7 chiếm đoạt trị giá 9.600.000 đồng.

Các đối tượng NLC5, NLC6, NLC7 đã bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Tam Điệp xét xử về tội “Cướp tài sản”. Tại bản án số 30/2011/HSST ngày 28/6/2011 của Tòa án nhân dân thị xã Tam Điệp xử phạt NLC6, NLC7 mỗi người 07 năm 06 tháng tù; Tại bản án số 39/2013/HSST ngày 20/8/2013 của Tòa án nhân dân thị xã Tam Điệp xử phạt NLC5 07 năm 06 tháng tù.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, Lê Xuân D bỏ trốn, bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Tam Điệp ra Quyết định truy nã số 02 ngày 07/10/2010. Đến ngày 27/12/2017, Lê Xuân D bị Phòng cảnh sát truy nã Công an tỉnh Ninh Bình bắt truy nã và chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Điệp giải quyết. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Điệp đã phục hồi điều tra vụ án, phục hồi điều tra bị can đối với Lê Xuân D về hành vi cướp tài sản.

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKS.TPTĐ ngày 07/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp truy tố Lê Xuân D về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp vẫn giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Xuân D phạm tội “Cướp tài sản”. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133, Điều 33, các điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt: Bị cáo Lê Xuân D từ 08 năm tù đến 08 năm 6 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là 27/12/2017.

Trong quá trình điều tra, các bị hại trình bày bản thân đã bị 02 nam thanh niên dùng dao đe dọa và lấy tài sản. Tài sản bị chiếm đoạt đã được giải quyết xong nên những bị hại không có ý kiến, đề nghị gì.

Trong quá trình điều tra, NLQ2 trình bày: Lê Xuân D cùng đồng phạm đã đập vỡ ô cửa kính phòng 207 Ký túc xá B2 của NLQ2, tuy nhiên thiệt hại tài sản có giá trị không đáng kể nên NLQ2 không có yêu cầu đề nghị gì về vấn đề bồi thường thiệt hại.

Trong quá trình điều tra, NLQ1 trình bày: Khoảng sáng ngày 20/9/2010 NLC6 có hỏi mượn chiếc mô tô của anh biển kiểm soát 35F6-8637 để đi lại. Quá trình giải quyết vụ án, anh đã nhận lại chiếc xe mô tô nêu trên. Anh không biết việc NLC6 mượn xe mô tô của anh đi đâu, làm gì.

Trong quá trình điều tra, NLC7 trình bày: Các anh đã lấy được tiền và điện thoại di động của sinh viên ở ký túc xá NLQ2.

Trong quá trình điều tra, NLC6 trình bày: Anh đã đưa dao cho D, sau khi thực hiện hành vi phạm tội anh là người giấu điện thoại di động, dao. Việc anh mượn chiếc mô tô của NLQ1 để chở D, NLC5, NLC7 trộm tài sản của sinh viên thì NLQ1 không biết.

Trong quá trình điều tra, NLC5 trình bày: Các anh đã lấy được 20 chiếc điện thoại di động và tiền của sinh viên ở ký túc xá NLQ2.

Trong quá trình điều tra, NLC1 trình bày: Anh nhìn thấy 02 nam thanh niên vào phòng chiếm đoạt tài sản của một số bạn sinh viên.

Trong quá trình điều tra, NLC2 trình bày: Anh là người mua hộ dao cho Đ. Khi Đ nhờ mua dao, Đ nói với anh là Đ dùng để phát cỏ.

Trong quá trình điều tra, NLC3 trình bày: Chị thấy NLC5 quần áo có nhiều vết máu và cầm theo nhiều điện thoại, D cầm 02 chiếc điện thoại.

Trong quá trình điều tra, NLC4 trình bày: Anh thấy D, NLC5, NLC7 về phòng trọ của anh và nói chuyện gì đó nhưng anh nghe không rõ.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi bị truy tố như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp. Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt và nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Tam Điệp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những bị hại và những người tham gia tố tụng khác

cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 01 giờ 20 phút đến 03 giờ ngày 20/9/2010 tại ký túc xá NLQ2, Lê Xuân D cùng với NLC5 và NLC7 đã có hành vi dùng dao (phó) là phương tiện nguy hiểm để đe dọa và dí dao vào người đối với các anh Lê Xuân M, Tống Văn C, Nguyễn Văn T, Bùi Trọng Đ, Vũ Văn L, Nguyễn V, Nguyễn Quang S, Phạm Quang T, Phạm Như T, Vi Văn T, Đặng Tiến D, Mai Đức N, Mai Văn N, Phạm Như B, Trịnh Xuân T, Cù Thái Hoài V, Lê Ngọc C, Ngô Văn T, Ngô Văn V, Bùi Thanh T làm tất cả điều sợ hãi để chiếm đoạt 20 chiếc điện thoại di động trị giá 9.600.000đồng và 2.668.000đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Còn NLC6 là người giúp sức cung cấp dao, chở D, NLC5, NLC7 thực hiện hành vi cướp tài sản. Tổng giá trị tiền và tài sản mà Lê Xuân D và đồng phạm đã chiếm đoạt của những bị hại nêu trên là 12.268.000đồng.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được luật hình sự bảo vệ. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Theo quy định tại Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999 thì “1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm: . . .d) Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác; ”

Như vậy hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm tội “Cướp tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp truy tố bị cáo Lê Xuân D về tội “Cướp tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Để có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cần xét đến vị trí vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

Về vị trí vai trò: Bị cáo D là người khởi xướng rủ NLC5 và NLC7 thực hiện hành vi phạm tội nên D có vai trò chính trong vụ án. NLC5 và NLC7 là người thực hiện hành vi phạm tội có vai trò ngang nhau, còn NLC6 là người cung cấp dao và dùng xe mô tô chở các đối tượng đi chiếm đoạt tài sản nên NLC6 giữ vai trò cuối trong vụ án.

- Về tình tiết tăng nặng: Lê Xuân D thực hiện hành vi cướp tài sản tại cơ sở 2, sau đó lại tiếp tục thực hiện hành vi cướp tài sản tại cơ sở 3 Trường Cao đẳng nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã tác động với gia đình hoàn trả số tiền mà NLC6 và NLC7 đã bồi thường cho những bị hại và gia đình bị cáo đã thực hiện xong phần trách nhiệm hoàn

trả số tiền bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[4] Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự.

[5] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử áp dụng loại hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo với xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Trong quá trình điều tra, khi xử lý đối với NLC6 và NLC7, cơ quan điều tra đã thu hồi 15 chiếc điện thoại di động trả lại cho các chủ sở hữu.

Còn lại 05 chiếc điện thoại di động và các đồ vật mà Lê Xuân D và đồng phạm đã chiếm đoạt của bị hại không thu hồi được gồm: 01 điện thoại Samsung E1080, 01 ví giả da, 01 chứng minh nhân dân của anh Trịnh Minh T; 01 điện thoại Nokia 7310 của anh Ngô Văn T; 01 chiếc điện thoại Mobell của anh Bùi Trọng Đ; 01 điện thoại Q MobileM2 của anh Phạm Quang T và 01 điện thoại Cayon của anh Vi Văn T; số tài sản nêu trên trị giá 3.000.000 đồng và số tiền mặt 2.668.000 đồng, tổng cộng là 5.668.000 đồng. Trong quá trình xử lý đối với NLC6 và NLC7 thì NLC6 và NLC7 đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường cho những bị hại cả số tiền 5.668.000 đồng. Trong quá trình xử lý đối với NLC5 thì NLC5 đã tác động đến gia đình thỏa thuận bồi thường và đã hoàn trả cho gia đình của NLC7 và gia đình của NLC6, mỗi gia đình số tiền 708.000 đồng.

Sau khi vụ án được phục hồi điều tra, NLC6 và NLC7 đã yêu cầu Lê Xuân D hoàn trả số tiền trong tổng số tiền mà gia đình NLC6 và gia đình NLC7 đã bồi thường. Vì vậy Lê Xuân D đã ủy quyền cho ông Lê Văn T (là chú ruột của D) hoàn trả lại cho gia đình NLC6 và gia đình NLC7, mỗi gia đình 708.000 đồng. Số tiền trên các bên đã thanh toán cho nhau xong, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, Lê Xuân D và NLC5 có gây thương tích nhẹ cho một số bị hại, do các bị hại này đều từ chối giám định sức khỏe và không có yêu cầu đề nghị phải bồi thường về sức khỏe nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 ví giả da và 01 chứng minh nhân dân của anh Trịnh Xuân T: Anh Trịnh Xuân T đã làm lại chứng minh thư nhân dân, còn 01 chiếc ví giả da có giá trị nhỏ nên anh Trịnh Xuân T không yêu cầu Lê Xuân D và đồng phạm phải bồi thường.

Đối với thiệt hại của khu ký túc xá NLQ2: Do thiệt hại có giá trị nhỏ nên NLQ2 không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với NLQ1 là người đã cho NLC6 mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35F6-8637. Khi NLQ1 cho NLC6 mượn xe mô tô thì NLQ1 không biết NLC6 dùng xe mô tô để chở D, NLC5, NLC7 đi thực hiện hành vi phạm tội và NLC6 gửi điện thoại thì NLQ1 không biết. Do đó NLQ1 không vi phạm pháp luật. Trong quá trình điều tra, khi xử lý đối với NLC6, NLC7, cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô nêu trên cho NLQ1.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị Tam Điệp đã thu giữ vật chứng gồm: 01 con dao bằng kim loại màu trắng sáng và 02 mảnh giấy bìa màu đen. Số vật chứng nêu trên đã được xử lý tại bản án số 30/2011/HSST ngày 28/6/2011 của Tòa án nhân dân thị xã Tam Điệp.

Tại Bản án số 30/2011/HSST ngày 28/6/2011 của Tòa án nhân dân thị xã Tam Điệp (nay là Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp), tỉnh Ninh Bình đã giải quyết phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và những vấn đề khác có liên quan đến vụ án.

[7] Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Bị cáo; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm d khoản 2 Điều 133, Điều 33, các điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Xuân D phạm tội “Cướp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Xuân D 08 (Tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là 27/12/2017.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Xuân D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình: 01 bản.
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình: 01 bản.
- VKSND tỉnh Ninh Bình: 01 bản.
- VKSND TP. Tam Điệp: 02 bản.
- Cơ quan CSĐT và Cơ quan Thi hành án hình sự Công an TP. Tam Điệp: 02 bản.
- Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình: 01 bản.
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Tam Điệp: 01 bản.
- Bị cáo: 01 bản;
- Bị hại: 20 bản;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: 02 bản;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng: 03 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Phụng